|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

 **BÁO CÁO**

DỰ THẢO 1

**Đánh giá tác động của chính sách**

**Trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên Đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

1. **XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN**
2. **Bối cảnh xây dựng chính sách**

Hàng năm, Tết Nguyên đán là lễ lớn của cả nước, là dịp để người dân Việt Nam thể hiện các truyền thống cao đẹp “Uống nước nhớ nguồn”, “Lá lành đùm lá rách”, yêu thương đùm bọc lẫn nhâu giữa các dân tộc, các thành phần kinh tế xã hội. Hòa cùng truyền thống tốt đẹp này, trong nhiều năm qua, Đảng và chính quyền tỉnh Đồng Nai đã thực hiện chính sách chăm lo, hỗ trợ vào dịp Tết nguyên đán cho các đối tượng sau:

* Một số cán bộ, lãnh đạo, đảng viên và gia đình những người đang sinh sống trên địa bàn tỉnh đã góp sức vào công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước, chính quyền tỉnh Đồng Nai.
* Công chức, viên chức và những người đang làm việc, đóng góp vào công tác quản lý nhà nước, phát triển các lĩnh vực sự nghiệp, tổ chức Đảng, đoàn thể, hội quần chúng trên địa bàn tỉnh.
* Những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, dễ bị tổn thương, người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội.

Tuy vậy, chính sách chăm lo, hỗ trợ các đối tượng nêu trên chưa được ban hành trong các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ và các Bộ ngành. Theo Luật Ngân sách nhà nước, việc quyết định các chế độ chi ngân sách có tính chất đặc thù ở địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Qua rà soát, một số địa phương ban hành chính sách hỗ trợ Tết theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Đà Nẵng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi), một số địa phương khác ban hành theo quy trình ban hành văn bản cá biệt (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương).

1. **Mục tiêu xây dựng chính sách**

a) Mục tiêu tổng quát: Ban hành chính sách đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương trên cơ sở kế thừa các quy định của tỉnh hàng năm.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Quy định đối tượng, mức hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Chính sách ban hành không làm tăng tổng dự toán chi thường xuyên.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

1. **Chính sách: Quy định đối tượng, mức hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

**1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề.**

a) Xác định vấn đề

Việc hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà cho đối tượng trong dịp tết Nguyên đán hàng năm là những hoạt động thể hiện sự quan tâm, động viên, khích lệ nhân dịp tết Nguyên đán. Đồng thời, đây cũng là hoạt động thường xuyên, ổn định hàng năm của tỉnh với nội dung và các mức chi từ ngân sách. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn thực hiện chi hỗ trợ Tết Nguyên đán cho các đối tượng theo quy trình: xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương (sau khi có ý kiến chấp thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy). Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định đối tượng, mức hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán hằng năm. Đối tượng hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà trong dịp Tết Nguyên đán giai đoạn 2022 – 2024 ít thay đổi nhưng tăng thêm qua từng năm[[1]](#footnote-1). Mức hỗ trợ cho các đối tượng năm 2023 tăng so với năm 2022, trong đó tăng mạnh đối với nhóm đối tượng các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng đang cư trú, sinh hoạt đảng tại tỉnh Đồng Nai; Nguyên Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy các khóa nghỉ hưu; Các đồng chí hoạt động cách mạng trước CMT8 năm1945 (tăng khoảng1,43 đến 1,5 lần); các đối tượng còn lại tăng khoảng 1,15 đến 1,2 lần. Mức hỗ trợ cho các đối tượng năm 2024 cơ bản bằng với mức hỗ trợ của năm 2023, riêng nhóm đối tượng Đảng viên từ 40-54 năm tuổi Đảng và Đảng viên từ 30-39 năm tuổi Đảng tăng từ 1,3 đến 1,5 lần và tăng gấp 2 lần so với năm 2022.

*(Chi tiết theo Bảng 1 đính kèm)*

Theo báo cáo của Liên đoàn lao động tỉnh, trong các năm qua tình hình chính trị, xã hội, kinh tế thế giới và khu vực có diễn biến phức tạp, khó lường, áp lực lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đồng thời làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc làm của người lao động. Thu nhập giảm, tình hình đời sống, sinh hoạt của người lao động trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn. Để thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp ủy Đảng, chính quyền của tỉnh nhằm khích lệ cho công nhân lao động cả về vật chất và tinh thần, các năm qua Tỉnh ủy cũng chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các công nhân có hoàn cảnh khó khăn theo đề xuất của Liên đoàn lao động vào dịp Tết nguyên đán.

Thêm vào đó, nhằm động viên tinh thần cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ trong dịp Tết nguyên đán, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cũng đề xuất thăm hỏi, chúc tết các đơn vị Quân đội đóng quân trong và ngoài địa bàn tỉnh dịp Tết nguyên đán. Các năm qua Tỉnh ủy thống nhất chủ trương hỗ trợ các đơn vị quân sự nhằm tăng cường sự phối hợp với lực lượng vũ trang trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, theo Luật Ngân sách nhà nước, việc quyết định các chế độ chi ngân sách có tính chất đặc thù ở địa phương thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Bên cạnh đó, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở bắt đầu có hiệu lực ngày 01/7/2024, không còn duy trì lực lượng Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp). Đồng thời Luật này thành lập mới lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở trên cơ sở sáp nhập (1) lực lượng Phó Trưởng công an xã và công an viên xã và (2) lực lượng dân phòng, (3) lực lượng bảo vệ dân phố trước đây. Do đó, duy trì quy định hỗ trợ tết cho lực lượng Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (khoảng 1.000 người) không còn phù hợp theo quy định mới cũng như không đảm bảo chế độ hỗ trợ tương đồng cho lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố (khoảng 3.000 người).

Qua rà soát của cơ quan chuyên môn về người có công, hiện nay chỉ mới có 10/12 nhóm người có công theo Pháp lệnh về người có công được hưởng chính sách đặc thù địa phương hỗ trợ tết. 02 nhóm hiện nay chưa được hưởng dẫn đến một số ý kiến từ người dân là Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế (hưởng trợ cấp 1 lần), Người có công giúp đỡ cách mạng (hưởng trợ cấp 1 lần). Do đó việc bổ sung 02 nhóm đối tượng này (số lượng dự kiến 11.000 người) là cần thiết, thể hiện rõ truyền thống biết ơn của tỉnh, bảo đảm sự tương quan giữa 12 nhóm người có công theo Pháp lệnh.

Như vậy qua rà soát thực tế phát sinh thêm khoảng 31.000 người so với hoạt động hỗ trợ Tết các năm trước, gồm Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở (3.000 người trước đây là lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố) và người có công với cách mạng (11.000 người), cán bộ, công chức, viên chức người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước có hệ số lương cao hơn 5,0 (17.000 người). Tuy nhiên trong bối cảnh nguồn thu ngân sách nhà nước các năm qua có nhiều hạn chế, việc bổ sung khoảng 31.000 người thụ hưởng chính sách làm công tác cân đối ngân sách hết sức khó khăn.

Ngoài ra, qua đánh giá tương quan giữa mức chi và các đối tượng thụ hưởng trong chính sách của tỉnh Đồng Nai với chính sách của các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương) có phát sinh những khác biệt đáng kể:

- Một số đối tượng thụ hưởng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế và người có công với cách mạng ở tỉnh Đồng Nai nhận mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thấp hơn so với các địa phương khác, thậm chí còn thấp hơn nhiều lần, ví dụ như:

+ Mức hỗ trợ Mẹ Việt Nam anh hùng tỉnh Đồng Nai chỉ bằng 48% so với tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bằng 12% so với tỉnh Bình Dương.

+ Mức hỗ trợ hộ nghèo tỉnh Đồng Nai chỉ bằng 76% so với Thành phố Hồ Chí Minh, bằng 64% so với tỉnh Bình Dương.

- Một số đối tượng thụ hưởng khác ở tỉnh Đồng Nai nhận mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cao gấp nhiều lần so với các địa phương khác.

*(Chi tiết theo Bảng 2 đính kèm)*

b. Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Ban hành Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương trên cơ sở kế thừa các quy định của tỉnh hàng năm.

Quy định đối tượng, mức hỗ trợ tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Không làm tăng tổng dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước.

* 1. **. Các giải pháp và đánh giá tác động các giải pháp**

 **a. Giải pháp số 1: Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo.**

**Đối tượng và mức hỗ trợ về cơ bản giữ nguyên như Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh, nhưng có điều chỉnh, cập nhật theo pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:**

1. Mức 15.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Trung ương Đảng hiện đang cư trú, sinh hoạt đảng tại Đồng Nai; nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó bí thư Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh;

2. Mức 10.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa đã nghỉ hưu và các đồng chí hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945;

3. Mức 5.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí nguyên ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa;

4. Mức 3.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là nguyên trưởng, phó các ban Đảng và các đoàn thể CT-XH; ủy viên Ban kiểm tra Tỉnh ủy các khóa; Nguyên Phó chủ tịch, ủy viên thường trực HĐND tỉnh; nguyên Phó chủ tịch, ủy viên thường trực Mặt trận TQVN tỉnh không là tỉnh ủy viên đã nghỉ hưu; Nguyên trưởng, phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy

5. Mức 2.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho gia đình các đồng chí nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa đã từ trần; Cán bộ chính sách và gia đình cán bộ chính sách đã từ trần;

6. Hỗ trợ 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người cho các đồng chí, gia đình các đồng chí có công đóng góp cho tỉnh Biên Hòa cũ;

7. Mức 6.000.000 đồng/người và 01 phần quà trị giá 1.500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là đảng viên 70 năm tuổi Đảng trở lên;

8. Mức 6.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 65 năm đến 69 năm tuổi Đảng;

9. Mức 4.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 55 năm đến 64 năm tuổi Đảng;

10. Mức 3.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 40 năm đến 54 năm tuổi Đảng;

11. Mức 2.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí là Đảng viên từ 30 năm đến 39 năm tuổi Đảng;

12. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

12.1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong biên chế đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành;

12.2. Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

12.3. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; Chi cục dự trữ nhà nước Đồng Nai; Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; sĩ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04;

12.4. Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama II, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Chi cục dự trữ Nhà nước Đồng Nai, Học sinh khiếm thính của trường phổ thông Thực hành Sư phạm.

Đối tượng nêu tại điểm 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).

12.5. Lực lượng trước đây là Phó Trưởng công an xã và công an viên xã (công an viên thường trực ở xã và công an viên phụ trách ở ấp), hiện nay là một phần của lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở;

12.6. Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn;

12.7. Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sỹ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.8. Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương);

12.9. Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng;

12.10. Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng đang hửơng trợ cấp hàng tháng. (Riêng Mẹ Việt Nam Anh hùng được tặng kèm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);

12.11. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.12. Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên nhưng không là Tỉnh ủy viên; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng;

12.13. Người được hưởng chế độ tiền tuất (từ trần);

12.14. Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

12.15. Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng;

12.16. Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1;

12.17. Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Mức 960.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

13.1. Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương và địa phương;

13.2. Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

14. Mức 720.000 đồng/người (hoặc 720.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

14.1. Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương và địa phương;

14.2. Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú của huyện; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh khiếm thính của trường Thực hành sư phạm;

14.3. Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

14.4. Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh, cấp huyện (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận);

14.5. Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

14.6. Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

15. Mức 500.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

15.1. Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

15.2. Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Đồng Nai.

16. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

16.1. Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

16.2. Phạm nhân đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

17. Mức 30.000.000.000 đồng để hỗ trợ cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn thông qua Liên đoàn lao động tỉnh.

18. Hỗ trợ cho các đơn vị quân đội như sau:

18.1. Mức 102.000.000 đồng cho đơn vị quân sự cấp quân khu;

18.2. Mức 52.000.000 đồng cho đơn vị quân sự cấp quân đoàn, sư đoàn, trung đoàn, lữ đoàn;

18.3 Mức 32.000.000 đồng cho đơn vị quân sự khác.

Ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng được hỗ trợ nêu trên, ngân sách nhà nước các cấp tỉnh, huyện, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất (trừ các trường hợp là các đồng chí là Đảng viên 30, 40, 50, 55, 60 và 65 tuổi Đảng trở lên được hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam 03/2 và Tết Nguyên đán).

**b. Giải pháp số 2: Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán năm 2025 và các năm tiếp theo.**

Đối tượng và mức chi được điều chỉnh, sửa đổi theo các tiêu chí sau:

- Điều chỉnh giảm, bổ sung thêm một số đối tượng theo đề xuất của các cơ quan.

- Điều chỉnh mức chi không quá chênh lệch với chính sách của các tỉnh lân cận, tương đồng (Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đà Nẵng) *(Chi tiết theo Bảng 2 đính kèm),* bảo đảm các đối tượng thụ hưởng có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế được hỗ trợ nhiều hơn trước đây và không làm tăng tổng dự toán chi ngân sách nhà nước.

Cụ thể giải pháp như sau:

1. Mức 10.000.000 đồng/người hỗ trợ cho các đồng chí hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng 8 năm 1945;

2. Mức 1.200.000 đồng/người (hoặc 1.200.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

2.1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong biên chế đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận còn hiệu lực đến thời điểm hiện nay hiện đang công tác trong cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp, tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng hiện đang hưởng lương từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và nhân viên của 06 bệnh viện công lập của tỉnh gồm: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh; Bệnh viện đa khoa Thống Nhất; Bệnh viện Nhi Đồng Nai; Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán; Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành;

2.2. Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở ấp, khu phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố theo Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai;

2.3. Cán bộ công chức, viên chức trong biên chế hiện đang công tác, làm việc ở một số cơ quan tại địa phương nhưng hưởng kinh phí theo ngành dọc: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Cục Thống kê, Cục Quản lý Thị trường, Ngân hàng Nhà nước, Cục và Chi cục Thi hành án, Bảo hiểm xã hội; Chi cục dự trữ nhà nước Đồng Nai; Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII; cán bộ, nhân viên của các cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; sĩ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ chiến sĩ chính quy thuộc lực lượng vũ trang của các đơn vị gồm: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Trại giam Xuân Lộc, Trường Giáo dưỡng số 04;

2.4. Cán bộ, nhân viên trong biên chế của một số cơ quan, trường học, bệnh viện của Trung ương nằm trên địa bàn tỉnh có mối quan hệ trực tiếp với địa phương gồm: Đài Khí tượng Thủy văn, Bệnh viện Tâm thần, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, Bệnh viện 7B, Trường Cao đẳng Thống kê II, Trường Cao đẳng Trang trí Mỹ thuật Đồng Nai, Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 (Trảng Bom), Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc tế Lilama II, Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Chi cục dự trữ Nhà nước Đồng Nai, Học sinh khiếm thính của trường phổ thông Thực hành Sư phạm.

~~Đối tượng nêu tại điểm 12.1, 12.2, 12.3, 12.4 nêu trên có hệ số lương cộng phụ cấp vượt khung từ 5,0 trở xuống hoặc có mức trợ cấp quy đổi từ 5,0 trở xuống bao gồm các mức lương: Cán sự có 12 bậc hệ số lương tối đa là 4,06; Chuyên viên có 9 bậc, hệ số lương tối đa là 4,98; Chuyên viên chính ở bậc 2 là 4,74).~~

2.5. Lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự cơ sở;

2.6. Phó Chỉ huy trưởng quân sự, lực lượng dân quân thường trực ở huyện; ở xã, phường, thị trấn;

(Nhóm người có công với Cách mạng)

2.7. Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến (Riêng Mẹ Việt Nam Anh hùng được tặng kèm 01 phần quà trị giá 1.000.000 đồng);

2.8. Thương binh, bệnh binh đã được xếp hạng có hồ sơ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (trừ thương binh đang công tác ở những doanh nghiệp có hưởng lương); Thương binh hiện đang công tác tại các lực lượng vũ trang do Công an và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai quản lý và chi trả trợ cấp hàng tháng;

2.9. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

2.10. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày đang hưởng trợ cấp hàng tháng; Người có công giúp đỡ cách mạng đang hửơng trợ cấp hàng tháng;

(Nhóm thân nhân người có công với cách mạng)

2.11. Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng kể cả vợ hoặc chồng của liệt sỹ đã lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ hoặc đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng;

2.12. Người được hưởng chế độ tiền tuất người có công (từ trần);

2.13. Người được hưởng trợ cấp phục vụ Mẹ Việt Nam Anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động nặng trên 81%;

2.14. Con của người hoạt động kháng chiến mà bản thân bị nhiễm chất độc hóa học đang được hưởng trợ cấp hàng tháng;

2.15. Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 và Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

2.16. Gia đình, thân nhân các đồng chí cán bộ đang làm nhiệm vụ ở nơi đặc biệt khó khăn gian khổ thuộc quần đảo Trường Sa và DK1;

2.17. Người hưởng lương hưu, người hưởng trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động đang được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng. Riêng các đồng chí nguyên là Giám đốc Sở và tương đương trở lên đã nghỉ hưu nhưng không là Tỉnh ủy viên, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng Công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty cmẹ - công ty con; các công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước chiếm từ 50% vốn điều lệ trở lên giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh đã nghỉ hưu hoặc đã thôi việc do yêu cầu sắp xếp tổ chức, bộ máy cơ quan, đơn vị (trên 55 tuổi) được hỗ trợ thêm 01 phần quà tương đương trị giá 1.000.000 đồng;

3. Mức 1.000.000 đồng/hộ hỗ trợ cho các đối tượng là:

3.1. Hộ nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của Trung ương và địa phương;

3.2. Người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày nhưng chưa có hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp thường xuyên theo quy định do hồ sơ gốc bị thất lạc.

4. Mức 720.000 đồng/người (hoặc 720.000 đồng/hộ) hỗ trợ cho các đối tượng sau:

4.1. Hộ cận nghèo (không tính theo số người trong hộ) theo chuẩn của của địa phương;

4.2. Học sinh đang học tại Trường Dân tộc nội trú của huyện; Học sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu Đồng Nai và đang theo học ở các trường đại học, dự bị đại học, cao đẳng, trung cấp và các trung tâm cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Học sinh khiếm thính của trường Thực hành sư phạm;

4.3. Vận động viên thể dục thể thao trong đội tuyển, đội trẻ và năng khiếu do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý;

4.4. Các đối tượng bảo trợ xã hội ở các Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập cấp tỉnh, cấp huyện (đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định công nhận), người lang thang, cơ nhỡ tập trung về ăn tết tại Trung tâm công tác xã hội;

4.5. Học sinh đang học tại các Trường Dân tộc nội trú của tỉnh; Các đối tượng tại Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

4.6. Các đối tượng đang được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

5. Mức 500.000 đồng/người hỗ trợ cho Bệnh nhân đang nằm điều trị tại các cơ sở y tế của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh, do yêu cầu điều trị không về nhà ăn Tết với gia đình, phải ăn Tết tại cơ sở y tế;

~~5.2. Người lang thang cơ nhỡ tập trung về ăn Tết tại Trung tâm công tác xã hội tỉnh Đồng Nai.~~ (chuyển sang mục 4.4)

6. Mức 240.000 đồng/người hỗ trợ cho các đối tượng sau:

6.1. Học viên thuộc cơ sở điều trị nghiện ma túy;

6.2. Phạm nhân đang chấp hành án trong các cơ sở giam giữ thuộc lực lượng Công an địa phương quản lý; Trại viên, học viên tại Trường Giáo dưỡng số 4 (xã An Phước, huyện Long Thành); Phạm nhân tại Trại giam Xuân Lộc thuộc Bộ Công an.

7. Mức 1.000.000 đồng/người cho các đối tượng sau:

7.1. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế (hưởng trợ cấp 1 lần);

7.2. Người có công giúp đỡ cách mạng (hưởng trợ cấp 1 lần);

8. Mức 30.000.000.000 đồng để hỗ trợ cho công nhân có hoàn cảnh khó khăn thông qua Liên đoàn lao động tỉnh.

9. Hỗ trợ cho các đơn vị quân đội như sau:

9.1. Mức 102.000.000 đồng cho đơn vị quân sự cấp quân khu;

9.2. Mức 52.000.000 đồng cho đơn vị quân sự cấp quân đoàn, sư đoàn, trung đoàn, lữ đoàn;

9.3 Mức 32.000.000 đồng cho đơn vị quân sự khác.

Ngoài mức hỗ trợ và các đối tượng được hỗ trợ nêu trên, ngân sách nhà nước các cấp tỉnh, huyện, xã không được chi thêm một khoản hỗ trợ Tết nào khác. Trong trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. ~~(trừ các trường hợp là các đồng chí là Đảng viên 30, 40, 50, 55, 60 và 65 tuổi Đảng trở lên được hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam 03/2 và Tết Nguyên đán)~~.

**d. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.**

**- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*:** Ban hành chính sách quy định đối tượng, mức chi hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán nêu trên đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

***- Tác động về kinh tế - xã hội***:

+ Giải pháp 1 ban hành góp phần tạo động lực tích cực, thể hiện sự quan tâm, động viên kịp thời nhân dịp Tết Nguyên đán như như các năm trước, không thay đổi mức hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng. Tuy nhiên, Giải pháp 1 duy trì hỗ trợ Tết cho lực lượng trước đây là phó công an xã, công an viên (hiện nay là một phần của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở), không mở rộng đối tượng là toàn bộ lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở (có bao gồm lực lượng dân phòng, lực lượng bảo vệ dân phố).

+ Giải pháp 2 ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ bổ sung các nhóm đối tượng nêu trên (điều chỉnh tăng mức chi, tăng đối tượng cho nhóm người có công theo Pháp lệnh, nhóm người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế, người hưởng lương ngân sách nhà nước và nhân viên y tế 6 bệnh viện công lập có hệ số lương cao hơn 5,0) và không sử dụng nguồn lực ngân sách để hỗ trợ Tết *bổ sung* cho các đối tượng đảng viên (các đảng viên hưởng lương hưu vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ Tết dành cho người hưu trí).

+ Dự kiến kinh phí hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Giải pháp 1 khoảng 311 tỷ đồng. Giải pháp 1 ban hành trên cơ sở kế thừa những quy định trước đây đã thực hiện, không phải là đối tượng phát sinh mới nên việc cân đối ngân sách để triển khai thực hiện thuận lợi.

+ Dự kiến kinh phí hỗ trợ trong dịp tết Nguyên đán Giải pháp 2 khoảng 308 tỷ đồng*.* Giải pháp 2 ban hành trên cơ sở không làm tăng tổng dự toán so với Giải pháp 1 nên việc cân đối ngân sách để triển khai thực hiện thuận lợi.

 *(Chi tiết tại Bảng 3 đính kèm)*

*-* ***Tác động về giới***: Không phát sinh.

*-* ***Tác động đối với thủ tục hành chính***: Đối tượng thụ hưởng chính sách đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, đảm bảo chặt chẽ, dễ thực hiện, không phát sinh thủ tục hành chính.

**1.3. Lựa chọn giải pháp:**

 Qua phân tích cho thấy Giải pháp 2 tối ưu hơn Giải pháp 1: Tuy không còn mức hỗ trợ *bổ sung* cho các đối tượng là Đảng viên nhưng cho thấy sự ưu tiên nguồn lực Nhà nước cho người có công, người yếu thế và lực lượng công chức, viên chức, người lao động đang phục vụ nhân dân (ước tính 31.000 người) và không làm tăng chi ngân sách so với các năm trước đây; đồng thời lực lượng Đảng viên đang hưởng lương ngân sách nhà nước và hưởng lương hưu vẫn tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ Tết theo Giải pháp số 2.

1. **PHỤ LỤC:**

Bảng 1: Bảng tổng hợp đối tượng, mức hỗ trợ Tết Nguyên đán giai đoạn 2022 -2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Bảng 2: Bảng đánh giá tương quan chính sách giữa các tỉnh, thành phố.

Bảng 3: Dự trù kinh phí của các giải pháp.

Bảng 4: Biểu tổng hợp kinh phí cho các nhóm đối tượng bị giảm mức chi.

UBND tỉnh Đồng Nai kính báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên; - Ban KT-NS HĐND tỉnh; -Chủ tich, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;-Chánh – Phó Văn phòng UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTNS. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** |

1. Năm 2023: Tăng thêm đối tượng các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương Đảng đang cư trú, sinh hoạt đảng tại tỉnh Đồng Nai; các đồng chí là nguyên Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, ủy viên thường trực (không là tỉnh ủy viên) của HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh hiện đã nghỉ hưu; CBCC, VC trong biên chế hiện đang công tác ở Chi cục dữ trữ Nhà nước Đồng Nai (nhóm đối tượng Ngành dọc); học sinh đang học tại các trường Dân tộc nội trú của huyện so với năm 2022.

Năm 2024: Tăng thêm đối tượng CBCC, VC trong biên chế hiện đang công tác ở Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII (nhóm đối tượng Ngành dọc); tăng giáo viên dạy học sinh khiếm thính của Trường phổ thông Thực hành Sư phạm và giảm giáo viên Khoa Nghiên cứu Văn hóa Người điếc – Trường Đại học Đồng Nai; Tăng học sinh khiếm thính của trường phổ thông Thực hành Sư phạm và giảm học sinh Khoa Nghiên cứu VH Người điếc - Trường ĐH Đồng Nai so với năm 2023. [↑](#footnote-ref-1)